

DISCUSSIONS ON TEACHING DIALECTICAL MATERIALISM IN THE CURRICULUM OF MARXISM-LENINISM PHILOSOPHY AT UNIVERSITIES TODAY

Ngo Bang Linh

Political Academy of the Ministry of National Defense

Email: linhnb0209@gmail.com

Received: 16/4/2025; Reviewed: 19/6/2025; Revised: 26/6/2025; Accepted: 27/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i2.226>

Abstract: *The content of teaching dialectical materialism in the Marxist-Leninist Philosophy curriculum at universities includes two principles, three laws, and six pairs of basic categories. This article presents a discussion on several difficulties encountered in teaching this content, framed as three fundamental contradictions: the contradiction between the abstract, generalized, and systematic nature of dialectical materialism and the requirements for practicality and visuality in the educational and training process; the contradiction between the complexity and comprehensiveness of dialectical materialism and the limited practical experience and life knowledge of students and some lecturers; and the contradiction between the holistic nature of dialectical materialism and the structure of the course content. It is necessary to have appropriate awareness and methods to effectively resolve these contradictions. On that basis, solutions are proposed to improve students' learning outcomes.*

Keywords: *Teaching; Materialist Dialectics; Marxism-Leninism Philosophy; University.*

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống triết học Mác - Lênin, phép biện chứng duy vật giữ vai trò rất quan trọng, cung cấp phương pháp tư duy khoa học và thế giới quan toàn diện để nhận thức và cải tạo thế giới. Việc giảng dạy nội dung này trong môn Triết học Mác - Lênin không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy, mà còn rèn luyện tư duy logic, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề - những kỹ năng thiết yếu trong thời đại hiện nay. Tuy nhiên, quá trình giảng dạy phép biện chứng duy vật đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, từ tính chất trừu tượng của nội dung đến những hạn chế trong phương pháp tiếp cận và sự thiếu hứng thú của sinh viên. Bài viết này sẽ tập trung phân tích các đặc điểm của đơn vị kiến thức phép biện chứng duy vật, những mâu thuẫn và khó khăn gặp phải trong giảng dạy, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tập cho sinh viên.

2. Tổng quan nghiên cứu

Xung quanh vấn đề giảng dạy phép biện chứng duy vật ở trường đại học hiện nay, có một số bài viết đề cập đến, chủ yếu từ hai hướng: thứ nhất, bàn về việc nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy Triết học Mác - Lê nin cho sinh

viên; thứ hai, trực tiếp bàn về những nội dung của phép biện chứng duy vật. Tác giả Lê Thị Hương với bài viết “Vai trò của người thầy trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin ở các trường đại học hiện nay”, bên cạnh việc làm rõ vai trò của người giảng viên, đã nêu lên một số đặc điểm môn học Triết học, đó là có tính khái quát hóa, trừu tượng hóa, tính hàn lâm cao và được biểu đạt bằng hệ thống các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật. Tác giả cũng nêu lên thực trạng một số người dạy khi phân tích các hiện tượng chính trị - xã hội đã có chiều hướng “chỉ nhìn thấy cái xấu, Trường hợp này, người giảng dạy đã “vô tình” rơi vào siêu hình khi cường điệu hóa các hiện tượng tiêu cực, thiếu đi một cái nhìn biện chứng tổng thể. Vũ Văn Gầu trong Hội thảo khoa học “Đổi mới phương pháp giảng dạy theo tín chỉ”, đã đánh giá: “Trong thời gian vừa qua, phương pháp giảng dạy triết học chủ yếu của chúng ta là giải thích và tuyên truyền các nguyên lý kinh điển, và nhiều khi giống như người làm tuyên huấn, giảng dạy triết học như là giảng dạy chính trị (Gầu, 2020). Phân tích nguyên nhân của tình trạng đó, bài viết nêu lên ba nguyên nhân cơ bản, trong đó, tác giả khẳng định: “Một số nội dung của nó (giáo trình triết học - NBL ghi chú)

không phản ánh đúng những luận điểm kinh điển của triết học Mác (do hiểu sai hoặc phát triển sai) (Gầu, 2020). Điều này cho thấy tính chất trừu tượng, phức tạp của tri thức triết học. Phép biện chứng duy vật, mới nghe qua, tưởng chừng như đơn giản (thậm chí là “đơn điệu” khi bị một số người “công thức hóa” một cách máy móc theo kiểu hai nguyên lý, ba quy luật, sáu cặp phạm trù). Song trên thực tế, để hiểu thực chất của từng nội dung, cũng như vận dụng nó vào xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng là cả quá trình nhận thức không hề dễ dàng. Tác giả Nguyễn Hữu Khiển (2013) trong bài trao đổi “Về cặp phạm trù “cái chung và cái riêng” trong nghiên cứu và giảng dạy Triết học ở Việt Nam” lại nêu ra những khía cạnh bất cập khi hiểu về cặp phạm trù “cái chung - cái riêng”, dẫn đến làm “phức tạp hóa” vấn đề khi giảng dạy. Mặc dù chỉ bàn về một cặp phạm trù trong phép biện chứng duy vật, song bài viết nêu ra những quan điểm rất sâu sắc, với một cách nhìn tương đối mới, qua đó, cũng bộc lộ những hạn chế chung trong việc nghiên cứu và giảng dạy các nguyên lý, quy luật và các cặp phạm trù khác của phép biện chứng duy vật. Bàn về “Nâng cao chất lượng giảng dạy chủ nghĩa duy vật biện chứng ở Học viện Chính trị trong điều kiện chuyển đổi số hiện nay”, tác giả Đoàn Văn Tự khẳng định: “Chủ nghĩa duy vật biện chứng là môn học có vai trò rất quan trọng trong chương trình đào tạo ở Học viện, nhằm trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học, định hướng đúng đắn cho nhận thức các môn học khác và hoạt động thực tiễn của các đối tượng học viên” (Tự, 2024).

Nhìn chung, đã có không ít công trình nghiên cứu về việc nâng cao chất lượng giảng dạy triết học ở các trường đại học, bàn thảo về một số nội dung cụ thể của phép biện chứng duy vật. Những kết quả đó có ý nghĩa thực tiễn, góp phần giúp đội ngũ giảng viên tham khảo, đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy môn học. Tuy nhiên, chưa có tác giả nào trực tiếp chỉ ra và phân tích sâu những mâu thuẫn khi giảng dạy phép biện chứng duy vật trong chương trình môn Triết học ở trường đại học. Đây chính là khoảng trống về mặt lý luận, đòi hỏi cần có sự nghiên cứu thấu đáo, chỉ rõ khó khăn, vướng mắc và tìm giải pháp khắc phục.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, dựa vào lý

luận dạy học ở trường đại học, tác giả sử dụng các phương pháp như: Quan sát thực tiễn hoạt động giảng dạy và học tập các nội dung thuộc phép biện chứng duy vật ở một số trường đại học; thống kê những đặc điểm chung cơ bản; hệ thống hóa, khái quát hóa để rút ra những mâu thuẫn trong giảng dạy; phân tích nguyên nhân và đề xuất phương hướng giải quyết vấn đề mâu thuẫn.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái quát về nội dung phép biện chứng duy vật trong chương trình môn Triết học Mác - Lênin ở trường đại học hiện nay

Phép biện chứng duy vật là một bộ phận cơ bản trong hệ thống triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp giữa phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật. Theo cách hiểu của các nhà kinh điển, đó là “khoa học về sự liên hệ phổ biến” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995b), là “môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995b). Trong chương trình đào tạo đại học không chuyên ngành triết học, phép biện chứng duy vật là đơn vị kiến thức hết sức quan trọng, thường được kết cấu thành một chương thuộc học phần chủ nghĩa duy vật biện chứng, bao gồm: Hai nguyên lý, ba quy luật, sáu cặp phạm trù. Trên thực tế, có nhiều loại giáo trình kết cấu đơn vị kiến thức này theo nhiều cách khác nhau. Trong đó, có hai cách chính. Cách thứ nhất: Trình bày theo hai “nhánh”. Nhánh 1: nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và 6 cặp phạm trù, trong đó 6 cặp phạm trù được hiểu như là những mối liên hệ chung nhất, bản chất nhất của mọi sự vật, hiện tượng. Nhánh 2: nguyên lý về sự phát triển và 3 quy luật, trong đó 3 quy luật được hiểu như là sự “cụ thể hóa”, làm rõ nguồn gốc, động lực, trạng thái, cách thức, con đường của sự phát triển. Cách thứ hai: Trình bày lần lượt theo 3 cụm: 2 nguyên lý, 2 quy luật, 6 cặp phạm trù, theo cách đi từ cái tổng thể đến cái bộ phận của đơn vị kiến thức.

Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật trình bày cách thức chung nhất về sự vận động và phát triển của thế giới vật chất. Theo Lênin, đó là “tư tưởng về mối liên hệ phổ biến, toàn diện, sống của tất cả, với tất cả và về sự phản ánh của môi liên hệ ấy” (V.I.Lênin, 2005). Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến khẳng định mọi sự vật, hiện tượng đều tồn tại trong sự ràng buộc và chuyển hóa lẫn nhau, tạo thành chỉnh thể thống nhất; từ đó

đặt ra yêu cầu xem xét sự vật trong tổng thể các mối quan hệ. Nguyên lý về sự phát triển khẳng định thế giới vận động theo hướng đi lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Hai nguyên lý này có mối quan hệ chặt chẽ, mỗi liên hệ tạo tiền đề cho sự phát triển, đồng thời chính sự phát triển lại tạo ra những mối liên hệ mới.

Nội dung giảng dạy ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật trình bày mối quan hệ biện chứng giữa các mặt đối lập trong sự vận động và phát triển. Quy luật lượng - chất khẳng định quá trình phát triển diễn ra thông qua sự tích lũy dần về lượng đến điểm nút, tạo bước nhảy chuyển hóa về chất, hình thành chất mới với quy mô lượng mới. Quy luật mâu thuẫn chỉ ra nguồn gốc của sự vận động nằm trong bản thân sự vật, là quá trình các mặt đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh, tạo động lực phát triển. Quy luật phủ định của phủ định thể hiện tính kế thừa và phát triển theo hình thức xoáy ốc, khi cái mới ra đời phủ định cái cũ nhưng vẫn giữ lại yếu tố tích cực, tạo nên chu kỳ phát triển cao hơn.

Sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật được giảng dạy như những công cụ nhận thức quan trọng, bao gồm: (1) Cái chung - cái riêng (phân tích mối quan hệ giữa thuộc tính phổ biến và đặc thù); (2) Nguyên nhân - kết quả (chỉ ra mối liên hệ sinh thành khách quan giữa các hiện tượng); (3) Tất nhiên - ngẫu nhiên (làm rõ xu hướng tất yếu và yếu tố may rủi trong phát triển); (4) Nội dung - hình thức (phân tích sự thống nhất giữa cấu trúc bên trong và cách biểu hiện ra bề ngoài của sự vật); (5) Bản chất - hiện tượng (vạch ra mối liên hệ giữa đặc tính cốt lõi và biểu hiện bên ngoài); (6) Khả năng - hiện thực (phân tích quá trình chuyển hóa từ tiềm năng thành thực tế). Các phạm trù này có mối quan hệ chặt chẽ, tạo thành hệ thống lý luận hoàn chỉnh để nghiên cứu thế giới khách quan.

Phép biện chứng duy vật giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống triết học Mác - Lênin. Kiến thức về phép biện chứng duy vật trang bị cho sinh viên hệ phương pháp luận khoa học để nhận thức và cải tạo hiện thực.

4.2. Một số mâu thuẫn trong quá trình giảng dạy phép biện chứng duy vật và phương hướng giải quyết

Trong thực tế, hiện nay, không ít sinh viên có tâm lý “sợ”, “ngại” môn triết học nói chung, phép

biện chứng duy vật nói riêng. Số sinh viên này thường cảm thấy “choáng ngợp” trước những nội dung vừa rộng, vừa trừu tượng, vừa “khô khan” của nguyên lý, quy luật, phạm trù (!). Có thể tìm đến bản chất của những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giảng dạy phép biện chứng duy vật, thông qua việc phân tích một số mâu thuẫn cơ bản, đó là:

Thứ nhất, mâu thuẫn giữa tính khái quát, trừu tượng, hệ thống của nội dung phép biện chứng với yêu cầu về tính thực tiễn, tính trực quan của quá trình giáo dục, đào tạo

Triết học là “hệ thống tri thức lý luận phổ quát nhất của con người về thế giới; về vị thế và khả năng của con người trong thế giới ấy” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Vì vậy, triết học nói chung, phép biện chứng nói riêng thể hiện tính trừu tượng rất cao, nó không dừng lại ở những hiện tượng cụ thể mà đi sâu vào bản chất, phát hiện ra mối liên hệ nội tại và xu hướng vận động của sự vật. Tính trừu tượng này dựa trên phương pháp khoa học, loại bỏ những yếu tố ngẫu nhiên để phản ánh chân lý khách quan. Phép biện chứng duy vật đạt tới mức trừu tượng hóa cao nhờ phân tích thế giới vật chất, chỉ ra những mâu thuẫn phổ biến, có mặt ở mọi sự vật, hiện tượng và tư duy con người, như mâu thuẫn lượng - chất, cái mới - cái cũ, nội dung - hình thức, bản chất - hiện tượng... Những mâu thuẫn đó không dễ nhìn thấy (thậm chí không thể nhìn thấy) trong thế giới cảm tính mà là sản phẩm của tư duy lý tính, là kết quả của quá trình khái quát hóa sâu sắc, vượt lên trên những biểu hiện bề ngoài của vô số sự vật, hiện tượng cụ thể. Trong quá trình nghiên cứu, các nhà kinh điển đã gạt bỏ những yếu tố bề ngoài, ngẫu nhiên, không bền vững, không ổn định xảy ra trong những quá trình và hiện tượng được nghiên cứu, tách ra những cái điển hình, bền vững, ổn định, bản chất; hơn thế nữa, còn sử dụng sức sáng tạo của tư duy trừu tượng, liên hệ những tri thức vốn có thành những khái niệm, nguyên lý, quy luật, phạm trù chưa từng xuất hiện trong lịch sử tư tưởng nhân loại hoặc đưa những nội hàm mới vào những khái niệm, phạm trù đã có.

Tính hệ thống chặt chẽ của phép biện chứng duy vật được thể hiện thông qua cấu trúc logic nội tại hoàn chỉnh, trong đó mọi thành tố đều liên hệ hữu cơ, tương tác biện chứng với nhau tạo thành một thể thống nhất không thể tách rời. Hai nguyên

lý nền tảng (nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển) không tồn tại độc lập mà bổ sung cho nhau, tạo thành khung phương pháp luận toàn diện để nhận thức hiện thực. Mỗi nguyên lý, phạm trù đều có vị trí và chức năng xác định trong hệ thống, đồng thời chỉ bộc lộ đầy đủ ý nghĩa khi được xem xét trong mối quan hệ với toàn bộ hệ thống. Chẳng hạn, phạm trù "bản chất" chỉ có thể được hiểu đầy đủ khi đặt trong mối quan hệ với "hiện tượng", "tất nhiên" gắn với "ngẫu nhiên", "nội dung" liên hệ mật thiết với "hình thức"; cặp phạm trù bản chất - hiện tượng có liên hệ chặt chẽ với cặp nội dung - hình thức, tất nhiên - ngẫu nhiên; hay quy luật mâu thuẫn chỉ có thể được luận giải đầy đủ trên cơ sở nắm được trạng thái, cách thức, con đường của sự phát triển... Ngoài ra, tính hệ thống cao của phép biện chứng duy vật còn thể hiện ở khả năng bao quát toàn bộ các lĩnh vực của hiện thực, từ giới tự nhiên, đời sống xã hội đến tư duy con người. Trong mỗi lĩnh vực, phép biện chứng duy vật đều thể hiện được tính phổ quát của các nguyên lý và quy luật vận động, đồng thời vạch ra được mối liên hệ biện chứng giữa các lĩnh vực đó.

Chính tính chất trừu tượng, tính hệ thống chặt chẽ đã khiến cho triết học Mác - Lênin trở thành một khoa học hoàn bị, là tinh hoa thời đại. Song, vô hình trung, nó lại trở thành một thách thức không nhỏ đối với đội ngũ giảng viên trước yêu cầu cao về tính cụ thể, trực quan trong giáo dục, đào tạo ở trường đại học. Nếu như tri thức về phép biện chứng duy vật có tính trừu tượng hóa rất cao, thì tính thực tiễn trong giảng dạy lại đòi hỏi sự cụ thể, trực quan, rõ ràng, dễ hiểu khi trang bị từng đơn vị kiến thức. Nếu như tri thức phép biện chứng duy vật là kết quả của sự khái quát hóa toàn bộ các dạng, loại, hình thức tồn tại, xuyên suốt toàn bộ thời gian lịch sử thì tính thực tiễn lại đòi hỏi sự chi tiết, hiểu cặn kẽ, tỷ mỉ trên từng lĩnh vực nhất định, từng sự vật, sự kiện, hiện tượng nhất định. Và, nếu như phép biện chứng duy vật (với tính cách một hệ thống lý luận với những nguyên tắc, phương pháp luận rất căn bản, vững chắc) là bộ phận hạt nhân của thế giới quan, thì đời sống thực tiễn lại vô cùng phong phú, đa dạng, sinh động, vận động, biến đổi từng giờ, từng phút.

Phép biện chứng nảy sinh từ đời sống hiện thực, nhưng cũng chính tri thức đó luôn có những khoảng cách nhất định với bản thân đời sống ấy.

Chính vì thế, không phải ở bất kỳ đơn vị tri thức triết học nói chung, phép biện chứng duy vật nói riêng nào cũng có thể *dễ dàng* và *tùy tiện* sử dụng những dẫn chứng từ đời sống hiện thực để minh chứng, làm rõ. Chẳng hạn, với tính cách là một phạm trù triết học, "vật chất" là một khái niệm phi cảm tính, là sản phẩm của tư duy, tức là nó duy nhất chỉ có thể được nhận thức thông qua việc khái quát hóa, trừu tượng hóa tất cả những dạng thức vật chất tồn tại cụ thể, những vật thể cụ thể. Rõ ràng, người dạy không thể không sử dụng "cái bàn", "cái ghế", "cái bảng" để giúp người học hiểu về định nghĩa vật chất, nhưng cũng hoàn toàn không thể sử dụng "cái bàn", "cái ghế", "cái bảng" như là những "ví dụ thực tiễn" (một cách thuần túy, giản đơn) để làm rõ định nghĩa vật chất.

Vậy, giải quyết mâu thuẫn này như thế nào cho thỏa đáng?

Chúng tôi cho rằng, vấn đề mấu chốt là phải hiểu "tính thực tiễn" cho đúng. "Thực tiễn" ở đây phải là thực tiễn mang tính lý luận, tính khái quát, bao quát, *tiêu biểu, tương xứng* với tính khái quát hóa, tính trừu tượng hóa, hạt nhân của thế giới quan, phương pháp luận của tri thức về phép biện chứng, chứ không phải là thực tiễn tầm thường, vụn vặt. Nếu sử dụng dữ liệu thực tiễn không tiêu biểu, không tương xứng chính là tầm thường hóa triết học, siêu hình hóa phép biện chứng. Có thể coi những quy luật, phạm trù phản ánh sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội, tư duy là "cái chung", "cái phổ biến", còn từng sự vật, hiện tượng, quá trình của đời sống thực tiễn là những "cái riêng" cụ thể. "Cái riêng", "cái cụ thể" đa dạng, phong phú, cùng lúc chịu sự tác động đồng thời của rất nhiều quy luật, chính vì thế, có những thời điểm, có những "cái riêng" không hàm chứa sâu sắc "cái chung", thậm chí, tồn tại cả những biểu hiện như là sự đối lập, phủ định, đi ngược lại "cái chung". Do đó, nếu nhìn vào thực tiễn vụn vặt thông qua một "cái riêng" không tiêu biểu nào đó, không những không giúp ta thấy được "cái chung" một cách rõ ràng mà còn làm hiểu sai, nhận thức sai về "cái chung" (Chính là một biểu hiện "thấy cây mà không thấy rừng" như Ph.Ăngghen đã cảnh báo).

Thứ hai, mâu thuẫn giữa tính phức tạp, bao quát của phép biện chứng duy vật với những hạn chế về tầm mức kinh nghiệm thực tiễn, vốn sống của sinh viên và một số giảng viên

Càng chiêm nghiệm sâu sắc đời sống, con người càng có điều kiện hiểu sâu triết học và hiểu

thực chất hơn về tính biện chứng của thế giới. Có nhiên không phải cứ nhiều tuổi, nhiều kinh nghiệm sống là mặc nhiên sâu sắc về triết học, nhưng không thể phủ nhận rằng trong đại đa số các trường hợp, khi ít vốn sống, ít va chạm xã hội, thiếu kinh nghiệm thực tiễn và tầm mức tư duy còn hạn hẹp thì những kiến giải lý luận chắc hẳn không tránh khỏi ít nhiều khiên cưỡng. Đó là điều dễ nhận thấy khi có hiện tượng một số giảng viên trẻ, trong giảng dạy thường thiên nhiều về lý luận hàn lâm, ít hơi thở thực tiễn, phân tích, luận giải vấn đề chưa thực sự dễ hiểu, chưa sát với mục tiêu, yêu cầu đào tạo và thực tiễn công việc của sinh viên khi tốt nghiệp. Đứng trước những vấn đề rất vĩ mô như: nhà nước, giai cấp, cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng... và một loạt những khái niệm, thuật ngữ triết học đầy tính hàn lâm: lượng - chất, phủ định - kế thừa, thống nhất - mâu thuẫn..., cho dù có được gắn với nhiều tư liệu thực tiễn xã hội, đất nước nhưng nhiều người học vẫn bị "choáng ngợp" bởi không thể hình dung được. Không phải ngẫu nhiên không ít sinh viên có tâm lý "sợ", "ngại" khi học triết học, đặc biệt là phần phép biện chứng duy vật.

Giải quyết mâu thuẫn này, *trước hết* cần nhận thức đúng đặc điểm đối tượng người học để gắn thực tiễn với lý luận về phép biện chứng cho phù hợp. Phép biện chứng duy vật là đặc tính bao trùm toàn bộ thế giới tự nhiên, xã hội, tư duy, tuy nhiên khai thác nó từ khía cạnh thực tiễn nào, luận giải ra sao trong quá trình giảng dạy, để vừa phù hợp với đặc điểm, tầm mức tư duy người học, đồng thời định hướng, dẫn dắt tư duy ấy phát triển thông qua những yêu cầu vừa sức là một bài toán không hề dễ. Giảng viên cần sử dụng dữ liệu thực tiễn không chỉ phù hợp với từng đơn vị kiến thức tương ứng mà còn phải phù hợp với đặc điểm đối tượng sinh viên. Tránh cả hai thái cực: hạ thấp, coi nhẹ hoặc đề cao, tuyệt đối hóa người học dẫn đến việc sử dụng dữ liệu thực tiễn không phù hợp, hiệu quả. *Hai là*, thực hiện tốt việc tổ chức hoạt động thực tiễn cho sinh viên. Người học cần được đắm mình vào thực tiễn sinh hoạt, học tập, cuộc sống xã hội và trải nghiệm những lĩnh vực thực tiễn khác nếu điều kiện cho phép. Tổ chức hoạt động thực tiễn cho học viên cần chú ý đến tính mẫu mực, chặt chẽ và phát huy tốt vai trò của mọi tổ chức, mọi lực lượng trong Nhà trường. Cần khuyến khích sinh viên theo sát tình hình thời sự chính trị, kinh tế, xã

hội trên thế giới, khu vực và trong nước để có kiến thức thực tiễn bổ ích. *Ba là*, song song với việc tổ chức tốt hoạt động thực tiễn cho sinh viên, đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên trẻ cũng cần được quan tâm tương xứng. Cần thực hiện tốt việc đưa giảng viên nghiên cứu thực tế, trải nghiệm trong điều kiện mà sinh viên đang sinh sống cũng như công việc của họ sẽ làm sau khi tốt nghiệp. Khi có điều kiện có thể thỉnh giảng, mời các đội ngũ doanh nhân, chuyên gia trên các lĩnh vực theo chuyên ngành đào tạo... về giảng dạy, nói chuyện chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm. *Bốn là*, khuyến khích giảng viên, sinh viên tăng cường đọc, tăng cường nghiên cứu. "Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận" (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995b). Chính những công trình lý luận, tổng kết thực tiễn đem lại cho người đọc một cái nhìn bao quát, toàn diện về xã hội hoặc một lĩnh vực thực tiễn xã hội, từ đó giúp nâng cao tầm mức tư duy của họ, tránh được cái nhìn siêu hình, phiến diện, giúp dễ hiểu phép biện chứng duy vật hơn.

Thứ ba, mâu thuẫn giữa tính chính thể của phép biện chứng duy vật với kết cấu nội dung môn học

Phép biện chứng duy vật trên thực tế là một chỉnh thể không thể tách rời của hai nguyên lý, ba quy luật và sáu cặp phạm trù cơ bản. Cao hơn nữa, chính là ý nghĩa phương pháp luận rất bao quát, toàn diện trong cách nhìn nhận, luận giải sự vật, hiện tượng của thế giới, được rút ra từ những đơn vị kiến thức trên. Và cũng chính vì vậy, trong giảng dạy phép biện chứng duy vật, đòi hỏi tính thực tiễn rất cao. Khi đề cập đến vấn đề tính thực tiễn trong giảng dạy, có nhận thức cho rằng, việc này chỉ đơn thuần là đưa những ví dụ từ thực tiễn, sử dụng dữ liệu thực tiễn vào để làm rõ lý luận. Cách hiểu này không sai, tuy nhiên chưa toàn diện và chưa đạt đến yêu cầu sâu sắc về tính thống nhất lý luận với thực tiễn, đồng thời, cũng chưa đạt đến mục đích cuối cùng của kiến thức này là xây dựng thế giới quan khoa học, tư duy biện chứng duy vật cho người học. Tăng tính thực tiễn trong giảng dạy phép biện chứng duy vật không chỉ dừng lại ở việc dùng dữ liệu thực tiễn để minh chứng cho lý luận mà mục đích phải là để người học *thấy được đời sống thực tiễn trong tính tổng thể, toàn cảnh, sinh động của nó*, thấy thực tiễn đúng như là nó đang là - tức là *nâng cao chất lượng nhìn nhận thực tiễn*, để từ đó bước vào cải tạo thực tiễn. Gắn lý luận với thực tiễn như C.Mác nói:

“Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cái tạo thế giới” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995a) không nằm ngoài tinh thần trên.

Đơn vị kiến thức phép biện chứng duy vật trong chương trình môn triết học cho sinh viên đại học hiện nay hầu hết đều “cắt rời” giữa các nội dung nhỏ bên trong. Và ở từng nội dung, lượng kiến thức chung (khái niệm, tính chất,...) vẫn đang quá nặng, mà chưa thể hiện rõ cho người học thấy được nội dung đó có ý nghĩa phương pháp luận gì và nó có liên hệ với những nội dung khác ra sao. Đi sâu vào từng đơn vị kiến thức là yêu cầu tất yếu của giảng dạy. Song, nếu như quá sa đà vào từng nội dung cụ thể, không đưa ra được cái nhìn tổng thể sau mỗi cụm bài sẽ là chưa đạt được mục tiêu giảng dạy đề ra. Chẳng hạn, khi học đến sáu cặp phạm trù, người học chỉ nắm được nội dung là gì, hình thức là gì, nội dung quyết định hình thức, hình thức tác động trở lại nội dung... Đó chỉ là những đơn vị lý thuyết ít có hiệu quả thực tiễn. Mục tiêu cuối cùng của việc giảng dạy 6 cặp phạm trù phải là giúp sinh viên có một cách nhìn toàn diện về sự vật, hiện tượng. Phải xem xét cả cái cấu trúc bên trong và cái vẻ ngoài (nội dung - hình thức), cả bản chất của nó và cái nó biểu hiện ra (bản chất - hiện tượng), phải đặt sự vật ấy trong quan hệ với các sự vật khác (cái chung - cái riêng), phải tìm hiểu xem từ đâu mà nó có (nguyên nhân - kết quả), phải thấy được hiện tại và tương lai của nó (khả năng - hiện thực)... Nếu không thấy được tính chỉnh thể như bản chất khách quan của phép biện chứng thì mặc dù học phép biện chứng nhưng thực chất, tư duy vẫn đang siêu hình.

Trong quá trình giảng dạy phép biện chứng, gắn lý luận với thực tiễn, giảng viên cần luôn quán triệt sâu sắc mục đích trang bị thế giới quan khoa học, phát triển tư duy biện chứng duy vật cho người học, tuyệt đối tránh coi nhẹ, hạ thấp mục tiêu này. Giảng viên cần xác định tốt một số giải pháp để nâng cao hiệu quả giảng dạy phép biện chứng duy vật, khắc phục tư duy siêu hình theo ba nhóm: *Một là*, nên giảm bớt dung lượng thời gian cho việc phân tích, làm rõ từng khái niệm cụ thể để tăng thời lượng diễn giải phần lý luận tổng hợp. Tăng tính thực tiễn trong bản thân các đơn vị kiến thức cơ bản ở từng bài giảng. Các dữ liệu thực tiễn được sử dụng phải bảo đảm khái quát, phù hợp và có tính "liền mạch" giữa các phần, các nội dung để

người học có cái nhìn biện chứng, toàn diện nhất về vấn đề được giảng dạy. *Hai là*, quan tâm nhiều hơn đến phần ý nghĩa phương pháp luận và vận dụng ở từng đơn vị kiến thức của phép biện chứng. Ở đây, ngoài ý nghĩa phương pháp luận chung nhất rút ra, giảng viên cần cố gắng chỉ rõ hướng đề người học biết vận dụng nội dung lý luận đã học vào xem xét các vấn đề thực tiễn liên quan, đặc biệt là thực tiễn tình hình đời sống kinh tế, chính trị, xã hội; thực tiễn cuộc sống của sinh viên và thực tiễn công việc, việc làm của người học sau khi tốt nghiệp theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo. *Ba là*, tăng cường nêu vấn đề, định hướng sinh viên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch liên quan đến nội dung bài học. Hiện nay, có không ít quan điểm cả trực tiếp và gián tiếp bác bỏ, công kích phép biện chứng duy vật, cho rằng phép biện chứng thực ra là một kiểu ngụy biện “nói thế nào cũng được” (!), hoặc phủ nhận giá trị, vai trò to lớn của nó đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn. Người giảng viên cần nắm chắc thực tiễn tình hình chống phá trên lĩnh vực tư tưởng - lý luận, nêu ra một cách cụ thể những luận điểm mà các thế lực thù địch đã và đang tuyên truyền, gợi ý cho người học phát hiện những lỗi sai về mặt logic, thuật ngụy biện khi đối chiếu với nội dung lý luận cách mạng, khoa học đã được trang bị ở bài giảng và tình hình thực tiễn xã hội, đất nước; từ đó, định hướng người học biết cách phản bác, đấu tranh.

5. Bàn luận

Nghiên cứu, chỉ ra những mâu thuẫn trong giảng dạy phép biện chứng duy vật có ý nghĩa thiết thực đối với các trường đại học Việt Nam. Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, với sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, dữ liệu lớn, cùng những biến động toàn cầu như biến đổi khí hậu, xung đột địa chính trị và bất bình đẳng kinh tế, tư duy biện chứng duy vật trở thành công cụ quan trọng để sinh viên phân tích và giải quyết các vấn đề phức tạp. Nó giúp họ nhận diện các mâu thuẫn nội tại, có cái nhìn tổng thể đúng đắn và dự báo chính xác xu hướng phát triển của các hiện tượng xã hội. Giai đoạn hiện nay, Việt Nam hội nhập quốc tế, tư duy này cũng giúp sinh viên xây dựng bản lĩnh chính trị, khả năng đánh giá các giá trị văn hóa toàn cầu một cách khoa học, đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước. Vì vậy, nghiên cứu chỉ ra các mâu thuẫn cốt lõi

trong giảng dạy như: tính trừu tượng của nội dung, tâm lý e ngại của sinh viên và phương pháp giảng dạy chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn sẽ là một ý kiến tham vấn thiết thực đối với các trường đại học, qua đó giúp họ đổi mới cách tiếp cận, biến triết học thành công cụ tư duy thiết thực, không chỉ đáp ứng mục tiêu đào tạo lý luận mà còn góp phần xây dựng nguồn nhân lực có tư duy logic, sáng tạo, bản lĩnh chính trị.

Trong nội dung bài viết, khi phân tích mâu thuẫn, tác giả đã có định hướng về mặt phương pháp luận giải quyết từng mâu thuẫn cụ thể. Tuy nhiên, khi tổng hợp lại, có thể đề xuất một số giải pháp tổng thể để các trường đại học nghiên cứu, tham khảo như sau:

Giảm tính trừu tượng trong giảng dạy thông qua nhiều cách như: Sử dụng ngôn ngữ, cách thức diễn đạt dễ hiểu, bớt sử dụng thuật ngữ chuyên môn; tăng cường liên hệ kiến thức với thực tiễn; cập nhật thành tựu của khoa học và những vấn đề thời sự, chính trị - xã hội đương đại... Khoa (bộ môn) Triết học có thể xây dựng một “ngân hàng ví dụ thực tiễn”, lưu trữ trên nền tảng số như Moodle, bao gồm các tình huống xã hội, những sự kiện xã hội mang tính thời sự để minh họa cho các quy luật, phạm trù. Đầu tư, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên khảo sát thực tế. Quy trình triển khai giải pháp này nên bắt đầu bằng hội thảo, xemina nội bộ trong bộ môn, khoa; sau đó dành thời gian để nghiên cứu thực tế, thu thập tài liệu và hoàn thiện “ngân hàng ví dụ thực tiễn”. Cuối cùng là giảng viên đưa ít nhất 2-3 ví dụ vào mỗi nội dung bài giảng. Sau một thời gian tiến hành, khoa (bộ môn) tiến hành đánh giá hiệu quả qua phản hồi sinh viên.

Cần khắc phục triệt để tâm lý e ngại trong sinh viên thông qua thảo luận nhóm: Nhiều sinh viên “sợ” môn triết học do cảm giác nội dung khô khan. Để giải quyết, các trường nên áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong lớp, nơi sinh viên phân tích các vấn đề thực tế. Điều cần chú ý là vấn đề nêu ra để thảo luận phải rất cụ thể, và nên là những vấn đề thời sự, thậm chí vừa mới được đưa tin trên truyền thanh, truyền hình vào đầu giờ sáng của buổi học. Giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, đặt câu hỏi gợi mở như: “Mâu thuẫn này được giải quyết thế nào trong thực tế?”. Sinh viên thuyết trình trước lớp để tăng tương tác, sử dụng bảng trắng hoặc phiếu bài tập in sẵn với các câu hỏi định hướng. Khoa (bộ môn) Triết học hỗ trợ bằng tài

liệu hướng dẫn thảo luận và các buổi tập huấn kỹ năng điều hành nhóm được tổ chức 1-2 lần/năm với sự hỗ trợ của các chuyên gia giáo dục.

Cải tiến phương pháp giảng dạy bằng bài tập tình huống: Phương pháp giảng dạy truyền thống nặng về lý thuyết, làm giảm hứng thú học tập. Các trường nên yêu cầu giảng viên thiết kế các bài tập tình huống, ví dụ, yêu cầu sinh viên phân tích sự chuyển hóa từ lượng thành chất trong việc tăng dân số dẫn đến áp lực đô thị. Trên thực tế, nhiều trường khi giảng dạy và kiểm tra triết học chủ yếu theo dạng tự luận, với yêu cầu tái hiện kiến thức. Khắc phục tình trạng này, cần đổi mới mạnh mẽ theo hướng có các bài tập tình huống. Theo đó, khoa (bộ môn) Triết học xây dựng bộ bài tập chuẩn hóa theo các nhóm chủ đề (kinh tế, xã hội, môi trường...) với ít nhất 20 bài tập cho mỗi nguyên lý/quy luật/phạm trù. Mạnh dạn tiến hành các hình thức mới như tổ chức thi đấu giữa các nhóm sinh viên (dạng hackathon triết học) để trình bày giải pháp, với giải thưởng nhỏ để tăng động lực. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, nên triển khai bằng cách giao 1 bài tập/tuần, chiếm 20% điểm môn học, đánh giá hiệu quả qua điểm số và phản hồi sinh viên để cập nhật bài tập mỗi năm.

Bồi dưỡng nâng cao năng lực thực tiễn cho giảng viên. Giảng viên cần được đào tạo để truyền đạt nội dung trừu tượng một cách dễ hiểu. Các trường nên tổ chức các buổi tập huấn, mời các giảng viên giàu kinh nghiệm chia sẻ cách đơn giản hóa các khái niệm như “mối liên hệ phổ biến” qua các câu chuyện đời thường, ví dụ, mối quan hệ giữa học tập và thành công nghề nghiệp. Đồng thời, khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu thực tế tại doanh nghiệp hoặc cộng đồng để làm phong phú bài giảng.

Những giải pháp trên trực tiếp giải quyết các mâu thuẫn trong giảng dạy phép biện chứng duy vật, giúp sinh viên tiếp cận nội dung dễ dàng hơn, tăng hứng thú học tập, và nâng cao hiệu quả giáo dục triết học. Các trường đại học có thể nghiên cứu, tham khảo và vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể. Tuy nhiên, dù tiến hành giải pháp nào cũng cần chú ý tăng cường phối hợp giữa ban giám hiệu, khoa (bộ môn) triết học, và giảng viên để triển khai đồng bộ, đảm bảo môn học trở thành công cụ tư duy hữu ích cho sinh viên trong thời đại mới.

6. Kết luận

Phép biện chứng duy vật là một nội dung trọng

tâm trong chương trình môn học triết học Mác - Lênin ở đại học, là nội dung rất khó bởi tính trừu tượng, khái quát, tính hệ thống, chính thể chặt chẽ của đơn vị kiến thức. Năng lực, trình độ của người học và một số ít giảng viên trẻ còn hạn chế, việc kết cấu logic nội dung môn học còn những bất cập nhất định đã và đang khiến cho chất lượng giảng

day nội dung này chưa thực sự đáp ứng tốt yêu cầu đề ra. Điều này đòi hỏi mọi chủ thể cần nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, tăng cường học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ toàn diện, đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của công tác giáo dục - đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- Bo Giáo dục và đào tạo. (2025). *Giáo trình Triết học*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Su that.
- Gau, V. V. (2020). “Giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Thực trạng và giải pháp”, *Hội thảo khoa học Đổi mới phương pháp giảng dạy theo tin chi*. Thanh phố Hồ Chí Minh, 68-71.
- Huong, L. T. (2020). “Vai trò của người thay trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin ở các trường đại học hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 32, 12-17.
- Khiên, N. H. (2013). “Về cấp phạm trù “cái chung và cái riêng” trong nghiên cứu và giảng dạy Triết học ở Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, 6.
- Lenin, V. I. (2005). *Toán tập*, tập 29. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Su that.
- Mac, C. và Angghen, Ph. (1995a). *Toán tập*, tập 3, Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia - Su that.
- Mac, C. và Angghen, Ph. (1995b). *Toán tập*, tập 20, Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia - Su that.
- Tu, D. V. (2024). *Nâng cao chất lượng giảng dạy chủ nghĩa duy vật biện chứng ở Học viện Chính trị trong điều kiện chuyển đổi số hiện nay*. Truy cập ngày 10 tháng 4 năm 2025 từ <http://hocvienchinhtribqp.edu.vn/index.php/ba-i-bao-khoa-hoc/nang-cao-chat-luong-giang-day-chu-nghia-duy-vat-bien-chung-o-hoc-vien-chinh-tri-trong-dieu-kien-chuyen-doi-so-hien-nay.html>.

TRAO ĐỔI VỀ GIẢNG DẠY PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT TRONG CHƯƠNG TRÌNH MÔN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

Ngô Bằng Linh

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Email: linhnb0209@gmail.com

Ngày nhận bài: 16/4/2025; Ngày phản biện: 19/6/2025; Ngày tác giả sửa: 26/6/2025;

Ngày duyệt đăng: 27/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i2.226>

Tóm tắt: Nội dung giảng dạy phép biện chứng duy vật trong chương trình Triết học Mác - Lênin ở trường đại học bao gồm hai nguyên lý, ba quy luật, sáu cặp phạm trù cơ bản. Bài viết nêu ý kiến trao đổi về một số khó khăn gặp phải khi giảng dạy nội dung này dưới dạng ba mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn giữa tính khái quát, trừu tượng, hệ thống của nội dung phép biện chứng với yêu cầu về tính thực tiễn, tính trực quan của quá trình giáo dục, đào tạo; mâu thuẫn giữa tính phức tạp, bao quát của phép biện chứng duy vật với những hạn chế về kinh nghiệm thực tiễn, vốn sống của sinh viên và của một số giảng viên; mâu thuẫn giữa tính chính thể của phép biện chứng duy vật với kết cấu nội dung môn học. Cần phải có nhận thức và phương pháp đúng để giải quyết hiệu quả những mâu thuẫn trên. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên.

Từ khóa: Giảng dạy; Phép biện chứng duy vật; Triết học Mác - Lênin; Trường Đại học.